

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC UỐNG LUCASTA KẾT NỐI YÊU THƯƠNG VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC UỐNG LUCASTA KẾT NỐI YÊU THƯƠNG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LUCASTA BEVERAGE CONNECTING LOVE VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LUCASTA.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109727065

3. Ngày thành lập: 05/08/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 10 ngõ 62 Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0796772323 / 0909637768 Fax:

Email: congtythucuonglucasta@gmail.com. Website: congtythucuonglucasta.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (trừ phát sóng, sản xuất phim và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	5911
2.	Hoạt động hậu kỳ (trừ phát sóng, sản xuất phim và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	5912
3.	Hoạt động chiếu phim (trừ phát sóng, sản xuất phim và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	5914
4.	Lập trình máy vi tính	6201
5.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
6.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
7.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

8.	Cổng thông tin Chi tiết: - Hoạt động điều hành các website sử dụng công cụ tìm kiếm để tạo lập và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn các địa chỉ internet và nội dung theo một định dạng có thể tìm kiếm một cách dễ dàng; - Hoạt động điều hành các website khác hoạt động như các cổng internet, phương tiện truyền thông trực tuyến cung cấp các nội dung thông tin được cập nhật định kỳ; - Trang thông tin điện tử, mạng xã hội	6312
9.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí	6399
10.	Hoạt động trung gian tiền tệ khác Chi tiết: Đại lý cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ	6419
11.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm	6622
12.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản ; - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
13.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
14.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
15.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
16.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
17.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
18.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
19.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
20.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
21.	Phá dỡ	4311
22.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
23.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
24.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
27.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
28.	Bốc xếp hàng hóa	5224
29.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
30.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702

31.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
32.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
33.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
34.	Xây dựng nhà để ở	4101
35.	Xây dựng nhà không để ở	4102
36.	Xây dựng công trình điện	4221
37.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
38.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
39.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
40.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
41.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
42.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
43.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
44.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
45.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
46.	Trồng cây hàng năm khác	0119
47.	Trồng cây ăn quả	0121
48.	Trồng cây chè	0127
49.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
50.	Trồng cây lâu năm khác	0129
51.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
52.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
53.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
54.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
55.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
56.	Chăn nuôi gia cầm	0146
57.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
58.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
59.	Bán buôn đồ uống	4633
60.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
61.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5630
62.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
63.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
64.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

65.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
66.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
67.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
68.	Sản xuất rượu vang	1102
69.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
70.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104(Chính)
71.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: - Sản xuất nước ép từ rau quả; - Chế biến và bảo quản rau quả khác	1030
72.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
73.	Sản xuất chè	1076
74.	Sản xuất cà phê	1077
75.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
76.	Dịch vụ đóng gói (Trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
77.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
78.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
79.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);	4659
80.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
81.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
82.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
83.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719

84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
85.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác: Bán buôn thực phẩm chức năng ; Bán buôn thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	4632
86.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
87.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
88.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ kinh doanh vũ trường, phòng trà ca nhạc và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	9000
89.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật (trừ hoạt động của các sân nháy)	8552
90.	Giáo dục thể thao và giải trí (trừ hoạt động của các sân nháy)	8551
91.	Đào tạo tiến sỹ	8543
92.	Đào tạo thạc sỹ	8542
93.	Đào tạo đại học	8541
94.	Đào tạo cao đẳng	8533
95.	Đào tạo trung cấp	8532
96.	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Đào tạo nghề	8531
97.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
98.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
99.	Giáo dục tiểu học	8521
100.	Giáo dục mẫu giáo	8512
101.	Giáo dục nhà trẻ	8511
102.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
103.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
104.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
105.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
106.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
107.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

108.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
109.	Điều hành tua du lịch	7912
110.	Đại lý du lịch	7911
111.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Hoạt động cho thuê lại lao động - Hoạt động dịch vụ việc làm - Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
112.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
113.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
114.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
115.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
116.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
117.	Cho thuê xe có động cơ	7710
118.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ thanh toán hồi phiếu, thông tin tỷ lệ lượng và tư vấn chứng khoán)	7490
119.	Hoạt động nhiếp ảnh chi tiết: chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại	7420
120.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
121.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
122.	Quảng cáo	7310
123.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
124.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
125.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
126.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
127.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
128.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

129.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Giám sát thi công xây dựng cơ bản. - Cung cấp dịch vụ khảo sát địa vật lý trên cơ sở phí hoặc hợp đồng	7110
130.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN PHÒNG	Căn hộ 1601 Viện Khoa học hình sự Bộ Công An 283 phố Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	3,000	034088004758	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	15.000	150.000.000	3,000		

2	NGUYỄN THỊ MINH PHƯỢNG	D14.3 New Sài Gòn ấp 5, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500	25.000.000	0,500	068181000144
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.500	25.000.000	0,500	
3	HỒ THỊ HOA	Số 27 ngõ 197 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500	25.000.000	0,500	040191001550
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.500	25.000.000	0,500	
4	NGUYỄN THỊ GIANG	Số nhà 39 đường Nguyễn Du, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	65.000	650.000.000	13,000	125118997
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	65.000	650.000.000	13,000	

5	ĐINH BỘI LINH	KP Hòa Bình, Phường An Hòa, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	340.000	3.400.000.000	68,000	051300000003
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	340.000	3.400.000.000	68,000	
6	HOÀNG THỊ QUỲNH NHI	Tổ 4, Phường Tứ Hạ, Thị xã Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	15,000	191834838
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	75.000	750.000.000	15,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG THỊ QUỲNH NHI

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 16/02/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 191834838

Ngày cấp: 29/03/2019

Nơi cấp: Công an tỉnh Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: Tổ 4, Phường Tứ Hạ, Thị xã Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 4, Phường Tứ Hạ, Thị xã Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội